

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM : (6 ĐIỂM)**Câu 1.** Thế nào là thụ tinh trong?

- A. Là hình thức thụ tinh mà trứng gặp tinh trùng và thụ tinh ở trong cơ quan sinh dục của con cái
- B. Là hình thức thụ tinh mà trứng gặp tinh trùng và thụ tinh ở trong cơ quan sinh dục của con đực
- C. Là hình thức thụ tinh mà trứng gặp tinh trùng và thụ tinh ở bên ngoài cơ thể cái.
- D. Là hình thức thụ tinh mà trứng gặp tinh trùng và thụ tinh ở trong môi trường nước

Câu 2. Đặc điểm nào **không phải** là ưu thế của sinh sản hữu tính so với sinh sản vô tính ở động vật?

- A. Có khả năng thích nghi với những điều kiện môi trường biến đổi.
- B. Duy trì ổn định những tính trạng tốt về mặt di truyền.
- C. Tạo ra được nhiều biến dị tổ hợp làm nguyên liệu cho quá trình tiến hoá và chọn giống.
- D. Là hình thức sinh sản phổ biến.

Câu 3. Thụ tinh trong tiến hoá hơn thụ tinh ngoài là vì ?

- A. Không chịu ảnh hưởng của các tác nhân môi trường.
- B. Đỡ tiêu tốn năng lượng.
- C. Không nhất thiết phải cần môi trường nước.
- D. Cho hiệu suất thụ tinh cao.

Câu 4. Cừu Đôly được sinh ra bằng phương pháp nào?

- A. Ghép mô.
- B. Nhân bản vô tính.
- C. Sinh sản hữu tính.
- D. Nuôi cấy mô.

Câu 5. Sinh sản hữu tính ở động vật là?

- A. Sự kết hợp có chọn lọc của hai giao tử đực và một giao tử cái tạo nên hợp tử phát triển thành cơ thể mới.
- B. Sự kết hợp của nhiều giao tử đực với một giao tử cái tạo nên hợp tử phát triển thành cơ thể mới.
- C. Sự kết hợp ngẫu nhiên của hai giao tử đực và cái tạo nên hợp tử phát triển thành cơ thể mới.
- D. Sự kết hợp có chọn lọc của giao tử cái với nhiều giao tử đực và một tạo nên hợp tử phát triển thành cơ thể mới.

Câu 6. Ý nào **không đúng** với sinh đẻ có kế hoạch?

- A. Điều chỉnh về số con.
- B. Điều chỉnh thời điểm sinh con.
- C. Điều chỉnh khoảng cách sinh con.
- D. Điều chỉnh sinh con trai hay con gái.

Câu 7. Sinh sản vô tính là hình thức sinh sản:

- A. Không có sự hợp nhất giữa giao tử đực và cái.
- B. Chỉ cần 1 cá thể bố hoặc mẹ.
- C. Bằng giao tử cá.
- D. Có sự hợp nhất giữa giao tử đực và cái.

Câu 8. Các biện pháp ngăn cản tinh trùng gặp trứng là:

- A. dùng bao cao su, thắt ống dẫn tinh, đặt vòng tránh thai, giao hợp vào giai đoạn không rụng trứng.
- B. dùng bao cao su, thắt ống dẫn tinh, giao hợp vào giai đoạn không rụng trứng, uống viên tránh thai.
- C. dùng bao cao su, thắt ống dẫn tinh, xuất tinh ngoài, đặt vòng tránh thai, giao hợp vào giai đoạn không rụng trứng.
- D. dùng bao cao su, thắt ống dẫn trứng, xuất tinh ngoài, đặt vòng tránh thai, giao hợp vào giai đoạn không rụng trứng.

Câu 9. Biện pháp nào con người **không** để làm thay đổi số con ở động vật?

- A. Sinh sản tự nhiên.
- B. Thay đổi các yếu tố môi trường.
- C. Gây đa thai nhân tạo.
- D. Sử dụng hoocmon.

Câu 10. Tại sao cấm xác định giới tính ở thai nhi người?

- A. Vì tâm lý của người thân muốn biết trước con trai hay con gái.
- B. Vì sợ ảnh hưởng đến sự phát triển của thai nhi.
- C. Vì để tránh mất cân bằng sinh học, tránh ảnh hưởng xấu đến đời sống, xã hội.
- D. Vì sợ ảnh hưởng đến tâm lý của người mẹ.

Câu 11. Khi nói về thụ tinh ngoài điều nào sau đây **là đúng** :

- A. Là hình thức thụ tinh mà các giao tử gặp nhau trong cơ quan sinh dục của con cái
- B. Thụ tinh ngoài làm tăng hiệu quả thụ tinh.

C. Là hình thức thụ tinh mà các giao tử kết hợp có chọn lọc bên ngoài cơ thể con cái

D. Là hình thức thụ tinh mà trứng gặp tinh trùng và thụ tinh ở bên ngoài cơ thể cái.

Câu 12. Vì sao động vật sinh sản vô tính bị chết hàng loạt khi điều kiện sống thay đổi đột ngột ?

A. Do mật độ quần thể cao.

B. Các cá thể giống hệt nhau về kiểu gen.

C. Do thời tiết khắc nghiệt.

D. Các cá thể khác nhau về kiểu gen.

Câu 13. Ở động vật có các hình thức sinh sản vô tính nào?

A. Phân đôi, nảy chồi, phân mảnh, ghép đôi. B. Phân đôi, nảy chồi, phân mảnh, tiếp hợp.

C. Phân đôi, nảy chồi, phân mảnh, trinh sinh.

D. Phân đôi, nảy chồi, tiếp hợp, ghép đôi.

Câu 14. Trong thực tiễn để các loại quả mau chín như là: Xoài, đu đủ, chuối,... người ta thường áp dụng rộng rãi và phổ biến là phương pháp:

A. Giảm nhiệt độ và êtilen.

B. Giảm nồng độ O_2 và nhiệt độ.

C. Tăng nồng độ CO_2 , giảm nhiệt độ.

D. Tăng nhiệt độ và êtilen.

Câu 15. Vì sao phải cắt bỏ hết lá ở cành ghép:

A. Để loại bỏ sâu bệnh trên lá.

B. Để tiết kiệm nguồn năng lượng cung cấp cho lá.

C. Để tập trung nước và các chất khoáng nuôi cành ghép.

D. Để tránh gió làm lay cành ghép.

Câu 16. Một cặp vợ chồng hiếm muộn anh A và chị H đi khám và được chuyên gia kết luận do số lượng và chất lượng tinh trùng của anh A không đạt. Trong các nguyên nhân sau, có bao nhiêu nguyên nhân có thể dẫn đến trường hợp của anh A? (1) Ăn uống thiếu chất như: Vitamin A, Vitamin E, một số acid béo, acid amin, kẽm,.. (2) Nhiệt độ tinh hoàn tăng (3) Tập thể dục thường xuyên (4) Bệnh quai bị biến chứng làm viêm tinh hoàn (5) Hút thuốc và uống rượu nhiều (6) Công việc áp lực kéo dài

A. 5

B. 6

C. 3

D. 4

Câu 17. Vì sao phải sinh đẻ có kế hoạch?

A. Để sinh con gái theo ý muốn.

B. Để sinh con trai và gái theo ý muốn.

C. Để sinh con trai theo ý muốn.

D. Để nâng cao chất lượng cuộc sống.

Câu 18. Các hoocmon tham gia quá trình điều hòa sinh tinh là

A. LH, GnRH, Östrogen, Progesteron.

B. FSH, LH, Testosteron, Östrogen.

C. FSH, LH, GnRH, Testosteron.

D. LH, GnRH, Östrogen, Progesteron.

Câu 19. Cho các sinh vật sau: thủy tức, ếch nhái, thằn lằn, ngựa. Hãy sắp xếp chúng theo đúng trật tự tiến hóa về phương thức sinh sản?

A. Thủy tức → ếch nhái → thằn lằn → ngựa.

B. Ngựa → thằn lằn → ếch nhái → thủy tức.

C. Ếch nhái → thằn lằn → thủy tức → ngựa.

D. Ếch nhái → ngựa → thằn lằn → thủy tức.

Câu 20. Cho các phát biểu sau đây, các *phát biểu đúng* là? (1) Gà có hình thức thụ tinh trong (2) Rắn thụ tinh ngoài (3) Cá thụ tinh ngoài. (4) Ếch thụ tinh trong

A. (2), (4)

B. (1), (4)

C. (1), (3)

D. (2), (3)

Câu 21. Đặc trưng thuộc sinh sản vô tính là:

A. Tạo ra thế hệ sau luôn thích nghi với môi trường sống ổn định.

B. Luôn có sự trao đổi, tái tổ hợp của 2 bộ gen.

C. Luôn có quá trình hình thành và hợp nhất của các giao tử.

D. Sinh sản hữu tính luôn gắn liền với giảm phân tạo giao tử.

Câu 22. Thực vật sinh sản vô tính là:

A. Lúa.

B. Rau má.

C. Đậu xanh.

D. Bắp.

Câu 23. Những động vật nào sau đây sinh sản bằng hình thức nảy chồi?

A. Thủy tức, ong.

B. Thủy tức, hải quỳ.

C. Thủy tức, trùng roi, ong.

D. Thủy tức, trùng roi, trai sông.

Câu 24. Biện pháp tránh thai nào sau đây vừa có hiệu quả tránh thai cao vừa ngăn ngừa các bệnh lây truyền qua đường tình dục?

A. Đặt vòng tránh thai.

B. Sử dụng bao cao su.

C. Dùng thuốc tránh thai.

D. Tính ngày rụng trứng.

II. PHẦN TỰ LUẬN :(4 ĐIỂM)

Câu 1 : Hiện tượng thần lẩn đứt đuôi, tôm, cua có chân và càng bị gãy tái sinh được chân và càng mới, có phải là sinh sản vô tính không? Vì sao? (2 điểm)

Câu 2 : Giải thích cơ chế của các biện pháp tránh thai sau : tính ngày rụng trứng, sử dụng viên tránh thai hằng ngày, sử dụng bao cao su.(2 điểm)

-----Hết -----

ĐÁP ÁN

I.PHẦN TRẮC NGHIỆM:

1 A	2 D	3 D	4B	5 C	6 D	7 A	8B	9 A	10 C	11 D	12 B	13 C	14 D	15 C	16 A	17 D	18 C	19 A	20 C
21 A	22 B	23 B	24 B																

II.PHẦN TỰ LUẬN:

Câu 1 : Hiện tượng thần lẩn đứt đuôi, tôm, cua có chân và càng bị gãy tái sinh được chân và càng mới, có phải là sinh sản vô tính không? Vì sao? (2 điểm)

- Các hiện tượng trên **không phải** là sinh sản vô tính (1 đ) vì nó chỉ tái sinh một phần của cơ thể chứ không hình thành cơ thể mới. (1 đ)

Câu 2 : Giải thích cơ chế của các biện pháp tránh thai sau : tính ngày rụng trứng, sử dụng viên tránh thai hằng ngày, sử dụng bao cao su.(2 điểm)

Trả lời:

- Tính ngày rụng trứng: không giao hợp vào những ngày rụng trứng, tinh trùng không gặp được trứng nên không mang thai.(0,5 đ)
- Sử dụng viên tránh thai hằng ngày: trong viên tránh thai có chứa progesteron hoặc progesterone và estrogen làm cho trong máu nồng độ hoocmon này tăng cao nên ức chế vùng dưới đồi và tuyến yên không tiết ra GnRH, FSH, LH dẫn đến trứng không chín và không rụng nên tránh được mang thai.(1 đ)
- Sử dụng bao cao su : tránh cho tinh trùng gặp trứng trong tử cung nên không mang thai.(0,5 đ)

uigeli.xyz
ĐỀ 2

ĐỀ ÔN TẬP HỌC KỲ II
Môn: Sinh Học 11

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM : (6 ĐIỂM)

Câu 1 : Những hoocmôn thuộc nhóm kim hãm sự sinh trưởng của cây là:

- A. Gibêrelin, êtylen. B. Auxin, gibêrelin.
C. Auxin, xitôkinin. D. Êtylen, Axit abxixic.

Câu 2 : Êtilen có vai trò :

- A. thúc quả chóng chín. B. giữ cho quả tươi lâu.
C. giúp cây mau lớn. D. Giúp cây chóng ra hoa.

Câu 3 : Những cây nào sau đây thuộc cây ngắn ngày :

- A. Dưa chuột, lúa, dâm bụt. B. Đậu cô ve, dưa chuột, cà chua.
C. Cỏ 3 lá, kiêu mạch, dâm bụt D. Cúc, cà phê, lúa.

Câu 4 : Sinh trưởng của động vật là hiện tượng :

- A. phát sinh hình thái các cơ quan và cơ thể. B. đẻ con.
C. tăng kích thước và khối lượng cơ thể. D. phân hoá tế bào.

Câu 5 : Phát triển của động vật qua biến thái hoàn toàn là kiểu phát triển mà con non có :

- A. đặc điểm hình thái, sinh lí rất khác với con trưởng thành.

B. đặc điểm hình thái, cấu tạo tương tự với con trưởng thành, nhưng khác về sinh lý.

C. đặc điểm hình thái, cấu tạo và sinh lý tương tự với con trưởng thành.

D. đặc điểm hình thái, cấu tạo và sinh lý gần giống với con trưởng thành.

Câu 6 : Hãy cho biết hoocmôn sinh trưởng (GH) do nơi nào sau đây tiết ra?

A. Tinh hoàn tiết ra.

B. Tuyến giáp tiết ra.

C. Tuyến yên tiết ra.

D. Buồng trứng tiết ra.

Câu 7 : Có các động vật sau: cá chép, khỉ, bọ ngựa, cáo cáo, bọ cánh cam, bọ rùa. Những loài nào thuộc động vật phát triển không qua biến thái.

A. Cá chép, bọ rùa.

B. Cá chép, khỉ.

C. Bọ ngựa, cáo cáo.

D. Không có loài nào.

Câu 8 : Thực vật nhận biết được các mùa trong năm nhờ yếu tố nào sau đây ?

A. Tuổi của cây.

B. Nhiệt độ môi trường.

C. Quang chu kì.

D. Phitôcrôm.

Câu 9 : Hậu quả đối với trẻ em khi thiếu tirôxin là:

A. các đặc điểm sinh dục phụ nam kém phát triển.

B. các đặc điểm sinh dục phụ nữ kém phát triển.

C. người nhỏ bé hoặc khổng lồ.

D. chậm lớn hoặc ngừng lớn, trí tuệ kém.

Câu 10 : Việc ấp trứng của các loài chim có tác dụng gì?

A. Giữ nhiệt độ thích hợp.

B. Tránh ánh sáng, tránh kẻ thù.

C. Theo tập tính, tránh kẻ thù.

D. Bảo vệ, giữ nhiệt độ thích hợp.

Câu 11 : Sinh sản vô tính là hình thức sinh sản :

A. Bằng giao tử cái.

B. Không có sự hợp nhất giữa giao tử đực và cái.

C. Có sự hợp nhất giữa giao tử đực và cái.

D. Chỉ cần 1 cá thể bố hoặc mẹ.

Câu 12 : Sinh sản sinh dưỡng tự nhiên gồm:

A. sinh sản bằng lá, rễ củ, thân củ, thân bò, thân rễ.

B. giâm, chiết, ghép cành.

C. rễ củ, ghép cành, thân hành.

D. Thân củ, chiết, ghép cành.

Câu 13 : Ngoài tự nhiên cây tre sinh sản bằng:

A. lông.

B. thân rễ.

C. đỉnh sinh trưởng.

D. rễ phụ.

Câu 14 : Hạt có nội nhũ là hạt của:

A. cây 1 lá mầm.

B. cây 2 lá mầm.

C. cây 1 lá mầm và cây 2 lá mầm.

D. cây lâu năm.

Câu 15 : Ở động vật có các hình thức sinh sản vô tính nào ?

A. Phân đôi, nảy chồi, phân mảnh, ghép đôi.

B. Phân đôi, nảy chồi, phân mảnh, tiếp hợp.

C. Phân đôi, nảy chồi, phân mảnh, trinh sinh.

D. Phân đôi, nảy chồi, tiếp hợp, ghép đôi.

Câu 16 : Phân đôi là hình thức sinh sản có ở:

A. động vật đơn bào và động vật đa bào.

B. động vật đơn bào.

C. động vật đơn bào và giun dẹp.

D. động vật đa bào.

Câu 17 : Khi điều kiện sống thay đổi đột ngột có thể dẫn đến hàng loạt cá thể động vật sinh sản vô tính bị chết, vì sao?

A. Các cá thể giống hệt nhau về kiểu gen.

B. Các cá thể khác nhau về kiểu gen.

C. Do thời tiết khắc nghiệt.

D. Do mật độ quần thể cao.

Câu 18 : Thế nào là thụ tinh trong ?

A. Là hình thức thụ tinh mà trứng gặp tinh trùng và thụ tinh ở trong cơ quan sinh dục của con cái.

B. Là hình thức thụ tinh mà trứng gặp tinh trùng và thụ tinh ở bên ngoài cơ thể cái.

C. Là hình thức thụ tinh mà trứng gặp tinh trùng và thụ tinh ở trong cơ quan sinh dục của con đực.

D. Là hình thức thụ tinh mà trứng gặp tinh trùng và thụ tinh ở trong môi trường nước.

Câu 19 :Ếch là loài:

- A. Thụ tinh trong. B. Thụ tinh ngoài. C. Tự thụ tinh. D. Thụ tinh chéo.

Câu 20 : Thụ tinh trong tiến hoá hơn thụ tinh ngoài là vì ?

- A. Không nhất thiết phải cần môi trường nước.
B. Không chịu ảnh hưởng của các tác nhân môi trường.
C. Đỡ tiêu tốn năng lượng.
D. Cho hiệu suất thụ tinh cao.

Câu 21 : Các hoocmon tham gia quá trình điều hòa sinh tinh là :

- A. FSH, LH, GnRH, Testosteron. B. FSH, LH, Testosteron, Östrogen.
C. LH, GnRH, Östrogen, Progesteron. D. LH, GnRH, Östrogen, Progesteron.

Câu 22 : Biện pháp tránh thai nào sau đây vừa có hiệu quả tránh thai cao vừa ngăn ngừa các bệnh lây truyền qua đường tình dục ?

- A. Tính ngày rụng trứng. B. Sử dụng bao cao su.
C. Đặt vòng tránh thai. D. Dùng thuốc tránh thai.

Câu 23 : Tại sao cấm xác định giới tính ở thai nhi người ?

- A. Vì sợ ảnh hưởng đến tâm lý của người mẹ.
B. Vì tâm lý của người thân muốn biết trước con trai hay con gái.
C. Vì sợ ảnh hưởng đến sự phát triển của thai nhi.
D. Vì để tránh mất cân bằng sinh học, tránh ảnh hưởng xấu đến đời sống, xã hội.

Câu 24 : Biện pháp cho thụ tinh nhân tạo đạt sinh sản cao và dễ đạt được mục đích chọn lọc những đặc điểm mong muốn ở con đực giống ?

- A. Nuôi cấy phôi.
B. Thụ tinh nhân tạo bên trong cơ thể.
C. Sử dụng hoocmôn hoặc chất kích thích tổng hợp.
D. Thụ tinh nhân tạo bên ngoài cơ thể.

II. PHẦN TỰ LUẬN : (4 ĐIỂM)

Câu 1 : Ghép cành là gì ? Trong phương pháp ghép chồi, ghép cành, vì sao phải cắt bỏ hết lá của cành ghép và phải cột chặt mắt ghép và cành ghép vào gốc ghép ? (2 điểm)

Câu 2 : Hãy cho biết những ưu thế của sinh sản hữu tính so với sinh sản vô tính ở động vật ? (2 điểm)

-----Hết -----

ĐÁP ÁN

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM : (6 ĐIỂM)

1D	2A	3D	4C	5A	6A
7B	8C	9D	10D	11C	12A
13B	14A	15C	16C	17A	18A
19B	20D	21A	22B	23D	24C

II. PHẦN TỰ LUẬN : (4 ĐIỂM)

Câu 1 : Ghép cành là gì? Trong phương pháp ghép chồi, ghép cành, vì sao phải cắt bỏ hết lá của cành ghép và phải cột chặt mắt ghép và cành ghép vào gốc ghép? (2 điểm)

TRẢ LỜI:

- Ghép cành: phương pháp nhân giống lợi dụng tính chất tốt của một đoạn thân, cành, chồi (cành ghép) của một cây này ghép lên thân hay gốc của một cây khác (gốc ghép), sao cho phần vỏ có các mô tương đồng tiếp xúc và ăn khớp với nhau. Chỗ ghép sẽ liền lại và chất dinh dưỡng của gốc ghép sẽ nuôi cành ghép. (1 điểm)

- Để giảm mất nước qua con đường thoát hơi nước nhằm tập trung nước nuôi các tế bào cành ghép, nhất là các tế bào mô phân sinh để đảm bảo sự sống sót và tiếp tục sinh trưởng. (1 điểm)

Câu 2 : Hãy cho biết những ưu thế của sinh sản hữu tính so với sinh sản vô tính ở động vật? (2 điểm)

- Tạo ra được nhiều biến dị tổ hợp làm nguyên liệu cho quá trình tiến hoá và chọn giống. (1 điểm)

- Duy trì ổn định những tính trạng tốt về mặt di truyền. (0.5 điểm)

- Có khả năng thích nghi với những điều kiện môi trường biến đổi. (0.5 điểm)

uigeli.xyz

ĐỀ 3

ĐỀ ÔN TẬP HỌC KỲ II

Môn: Sinh Học 11

I. Trắc nghiệm

1.	Thân và rễ của cây có kiểu hướng động như thế nào? A. Thân hướng sáng dương và hướng trọng lực âm, còn rễ hướng sáng âm và hướng trọng lực dương. B. Thân hướng sáng âm và hướng trọng lực dương, còn rễ hướng sáng dương và hướng trọng lực âm. C. Thân hướng sáng dương và hướng trọng lực âm, còn rễ hướng sáng dương và hướng trọng lực dương. D. Thân hướng sáng dương và hướng trọng lực dương, còn rễ hướng sáng âm và hướng trọng lực dương.	A
2.	Máu trao đổi chất với tế bào ở đâu? A. Qua thành động mạch và tĩnh mạch. B. Qua thành động mạch và mao mạch. C. Qua thành mao mạch. D. Qua thành tĩnh mạch và mao mạch.	C
3.	Nhóm động vật nào sau đây có hệ thần kinh dạng chuỗi hạch? A. Giun đất, đĩa, châu chấu, cào cào B. Sán dây, đĩa, nhện, châu chấu C. Bạch tuộc, mực ống, thủy tức, bọ cạp D. Giun đất, sán dây, nhện, bọ cạp	B
4.	Hệ tuần hoàn kín có ở động vật nào? A. Chỉ có ở đa số động vật thân mềm và chân khớp. B. Chỉ có ở mực ống, bạch tuộc, giun đốt, chân đầu. C. Mực ống, bạch tuộc, giun đốt, chân đầu và động vật có xương sống. D. Chỉ có ở động vật có xương sống.	C
5.	Ở trạng thái bình thường, thời gian làm việc của tâm thất trong một chu kì là A. 0,3 s B. 0,1 s C. 0,8 s D. 0,4 s	A
6.	Sự phân phối máu của hệ tuần hoàn kín trong cơ thể như thế nào? A. Máu được điều hoà và được phân phối chậm đến các cơ quan. B. Máu không được điều hoà và được phân phối chậm đến các cơ quan. C. Máu không được điều hoà và được phân phối nhanh đến các cơ quan. D. Máu được điều hoà và phân phối nhanh đến các cơ quan.	D
7.	Bộ phận nào trong cây có nhiều kiểu hướng động? A. Lá. B. Rễ. C. Thân. D. Hoa.	B
8.	Ứng động khác cơ bản với hướng động ở đặc điểm nào? A. Có sự vận động vô hướng B. Không liên quan đến sự phân chia tế bào. C. Có nhiều tác nhân kích thích. D. Tác nhân kích thích không định hướng.	C
9.	Thân mềm và chân khớp có hạch thần kinh phát triển là: A. Hạch não. B. Hạch lưng. C. Hạch ngực. D. Hạch bụng	A
10.	Những ứng động nào dưới đây là ứng động không sinh trưởng? A. Sự đóng mở của lá cây trinh nữ, khí khổng đóng mở. B. Mùli giờ nở vào buổi sáng, hiện tượng thức ngủ của chồi cây bàng. C. Hoa mùli giờ nở vào buổi sáng, khí khổng đóng mở. D. Lá cây họ đậu xoè ra và khép lại, khí khổng đóng mở.	A
11.	Diễn biến của hệ tuần hoàn hở diễn ra như thế nào? A. Tim → Động mạch → Hỗn hợp dịch mô – máu → Khoang máu → trao đổi chất với tế bào → tĩnh mạch → Tim. B. Tim → Động mạch → Khoang máu → trao đổi chất với tế bào → Hỗn hợp dịch mô – máu → tĩnh mạch → Tim. C. Tim → Động mạch → trao đổi chất với tế bào → Hỗn hợp dịch mô – máu → Khoang máu → tĩnh mạch → Tim. D. Tim → Động mạch → Khoang máu → Hỗn hợp dịch mô – máu → tĩnh mạch → Tim.	D
12.	Hai loại hướng động chính là: A. Hướng động dương (Sinh trưởng tránh xa nguồn kích thích) và hướng động âm (Sinh trưởng hướng tới nguồn kích thích). B. Hướng động dương (Sinh trưởng hướng tới nước) và hướng động âm (Sinh trưởng hướng tới đất). C. Hướng động dương (Sinh trưởng hướng tới nguồn kích thích) và hướng động âm (Sinh trưởng tránh xa nguồn kích thích). D. Hướng động dương	C

	(Sinh trưởng hướng về phía có ánh sáng) và hướng động âm (Sinh trưởng về trọng lực).	
13.	Máu chảy trong hệ tuần hoàn hở như thế nào? A. Máu chảy trong động mạch dưới áp lực cao, tốc độ máu chảy chậm B. Máu chảy trong động mạch dưới áp lực thấp, tốc độ máu chảy chậm. C. Máu chảy trong động mạch dưới áp lực lớn, tốc độ máu chảy cao. D. Máu chảy trong động mạch dưới áp lực thấp, tốc độ máu chảy nhanh.	B
14.	Cung phản xạ “co ngón tay của người” thực hiện theo trật tự nào? A. Thụ quan đau ở da → Sợi cảm giác của dây thần kinh tủy → Tuỷ sống → Các cơ ngón tay. B. Thụ quan đau ở da → Sợi cảm giác của dây thần kinh tủy → Tuỷ sống → Sợi vận động của dây thần kinh tủy → Các cơ ngón tay. C. Thụ quan đau ở da → Sợi vận động của dây thần kinh tủy → Tuỷ sống → Sợi cảm giác của dây thần kinh tủy → Các cơ ngón tay. D. Thụ quan đau ở da → Tuỷ sống → Sợi vận động của dây thần kinh tủy → Các cơ ngón tay.	B
15.	Cơ tim hoạt động theo quy luật “tất cả hoặc không có gì” có nghĩa là: A. Khi kích thích ở cường độ dưới ngưỡng, cơ tim hoàn toàn không co bóp nhưng khi kích thích với cường độ trên ngưỡng, cơ tim không co bóp. B. Khi kích thích ở cường độ dưới ngưỡng, cơ tim co bóp nhẹ, nhưng khi kích thích với cường độ tới ngưỡng, cơ tim co tối đa. C. Khi kích thích ở cường độ dưới ngưỡng, cơ tim hoàn toàn không co bóp, nhưng khi kích thích với cường độ tới ngưỡng, cơ tim co tối đa. D. Khi kích thích ở cường độ dưới ngưỡng, cơ tim hoàn toàn không co bóp nhưng khi kích thích với cường độ tới ngưỡng, cơ tim co bóp bình thường.	C
16.	Nhóm động vật nào sau đây có máu đi nuôi cơ thể là máu giàu oxy A. Éch, cóc, nhái, cá sấu B. Éch, cóc, nhái, rắn C. Cá chép, cá sấu, bò câu, thỏ D. Cá chép, éch, thằn lằn, bò câu	C
17.	Những ứng động nào sau đây là ứng động sinh trưởng? A. Hoa mười giờ nở vào buổi sáng, hiện tượng thức ngủ của chồi cây bàng B. Lá cây họ đậu xoè ra và khép lại, khí khổng đóng mở C. Sự đóng mở của lá cây trinh nữ khi khởng đóng mở. D. Hoa mười giờ nở vào buổi sáng, khí khổng đóng mở.	A
18.	Trước tác nhân kích thích là môi trường giàu oxy, trùng giày có phản ứng như thế nào A. Chết ngay lập tức B. Bơi tránh xa nguồn oxy C. Không có phản ứng D. Bơi lại gần nguồn oxy;	D
19.	Vì sao ở người già, khi huyết áp cao dễ bị xuất huyết não? A. Vì mạch bị xơ cứng, tính đàn hồi kém, đặc biệt các mạch ở não, khi huyết áp cao dễ làm vỡ mạch. B. Vì mạch bị xơ cứng nên không co bóp được, đặc biệt các mạch ở não, khi huyết áp cao dễ làm vỡ mạch. C. Vì thành mạch dày lên, tính đàn hồi kém đặc biệt là các mạch ở não, khi huyết áp cao dễ làm vỡ mạch. D. Vì mạch bị xơ cứng, máu bị ứ đọng, đặc biệt các mạch ở não, khi huyết áp cao dễ làm vỡ mạch.	A
20.	Máu chảy trong hệ tuần hoàn kín như thế nào? A. Máu chảy trong động mạch dưới áp lực thấp, tốc độ máu chảy nhanh. B. Máu chảy trong động mạch dưới áp lực cao hoặc trung bình, tốc độ máu chảy nhanh. C. Máu chảy trong động mạch dưới áp lực cao, tốc độ máu chảy chậm. D. Máu chảy trong động mạch dưới áp lực thấp, tốc độ máu chảy chậm.	B
21.	Huyết áp tâm thu ở người bình thường có giá trị khoảng A. 80-100 mmHg B. 160-180 mmHg C. 110-120 mmHg D. 70-80 mmHg	C
22.	Cây non mọc thẳng, cây khoẻ, lá xanh lục do điều kiện chiếu sáng như thế nào? A. Chiếu sáng từ nhiều hướng. B. Chiếu sáng từ hai hướng. C. Chiếu sáng từ ba hướng. D. Chiếu sáng từ một hướng.	A
23.	Hệ thần kinh ở động vật có cơ thể đối xứng hai bên là hệ thần kinh gì? A. Hệ thần kinh dạng chuỗi hạch B. Hệ thần kinh dạng lưới C. Chưa có hệ thần kinh D. Hệ thần kinh dạng ống	A
24.	Những ứng động nào dưới đây theo sức trương nước? A. Lá cây họ đậu xoè ra và khép lại, khí khổng đóng mở. B. Hoa mười giờ nở vào buổi sáng, khí khổng đóng mở. C. Sự đóng mở của lá cây trinh nữ khi khởng đóng mở. D. Hoa mười giờ nở vào buổi sáng, hiện tượng thức ngủ của chồi cây bàng.	C
25.	Hệ dẫn truyền tim hoạt động theo trật tự nào? A. Nút nhĩ thất → Hai tâm nhĩ và nút xoang nhĩ → Bó his → Mạng Puóc – kin → Các tâm nhĩ, tâm	B

	thất co. B. Nút xoang nhĩ → Hai tâm nhĩ và nút nhĩ thất → Bó his → Mạng Puôc – kin → Các tâm nhĩ, tâm thất co. C. Nút xoang nhĩ → Hai tâm nhĩ → Nút nhĩ thất → Bó his → Mạng Puôc – kin → Các tâm nhĩ, tâm thất co. D. Nút xoang nhĩ → Hai tâm nhĩ và nút nhĩ thất → Mạng Puôc – kin → Bó his → Các tâm nhĩ, tâm thất co.	
26.	Vì sao ở mao mạch máu chảy chậm hơn ở động mạch? A. Vì áp lực co bóp của tim giảm. B. Vì số lượng mao mạch lớn hơn. C. Vì mao mạch thường ở xa tim. D. Vì tổng tiết diện của mao mạch lớn.	D
27.	Hệ thần kinh của côn trùng có: A. Hạch đầu, hạch ngực, hạch lưng. B. Hạch đầu, hạch bụng, hạch lưng. C. Hạch đầu, hạch thân, hạch lưng. D. Hạch đầu, hạch ngực, hạch bụng.	D
28.	Hệ thần kinh ở động vật có cơ thể đối xứng toả tròn là hệ thần kinh gì? A. Hệ thần kinh dạng lưới B. Chưa có hệ thần kinh C. Hệ thần kinh dạng chuỗi hạch D. Hệ thần kinh dạng ống	A

II. Tự luận

Hãy cho biết các phát biểu sau đúng hay sai và giải thích.

- Người lớn nín thở khi bơi, nhịp tim hoàn toàn bình thường.
- Tim ở lưỡng cư 4 ngăn, máu vận chuyển trong cơ thể là máu không pha.
- Hệ tuần hoàn kín chỉ thích hợp cho động vật từ lớp lưỡng cư

uigeli.xyz
ĐỀ 4

ĐỀ ÔN TẬP HỌC KỲ II
Môn: Sinh Học 11

I. Trắc nghiệm (3 điểm). Hãy chọn đáp án đúng trong các câu sau:

Câu 1: Trong quá trình hô hấp tế bào, giai đoạn tạo ra nhiều ATP nhất là:

- Đường phân
- Chu trình Crep
- Chuỗi chuyền electron hô hấp
- Đường phân và chu trình Crep

Câu 2: Trong quá trình nguyên phân, các NST co xoắn cực đại ở:

- Kì đầu
- Kì giữa
- Kì sau
- Kì cuối

Câu 3: Trong hô hấp tế bào, glucôzơ chuyển hóa thành axit piruvic ở:

- Tế bào chất
- Màng ngoài của ti thể
- Màng trong của ti thể
- Chất nền của ti thể

Câu 4: Trình tự giai đoạn trong chu kì tế bào là:

- $G_1 \rightarrow G_2 \rightarrow S \rightarrow$ nguyên phân
- $G_1 \rightarrow S \rightarrow G_2 \rightarrow$ nguyên phân
- $S \rightarrow G_1 \rightarrow G_2 \rightarrow$ nguyên phân
- $G_2 \rightarrow G_1 \rightarrow S \rightarrow$ nguyên phân

Câu 5: Sự trao đổi chéo giữa các NST trong cặp tương đồng ở giảm phân xảy ra vào:

- Kì đầu I
- Kì giữa I
- Kì sau I
- Kì đầu II

Câu 6: Trong hô hấp tế bào, ở giai đoạn chu trình Crep, nguyên liệu tham gia trực tiếp vào chu trình:

- Glucôzơ
- Axit piruvic
- NADH
- Axetyl CoA

II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: (3 điểm)

Phân biệt pha sáng và pha tối của quang hợp theo các tiêu chí: nơi thực hiện, nguyên liệu, sản phẩm?

Câu 2: (4 điểm)

Một tế bào sinh thực vật sơ khai ($2n = 46$) thực hiện nguyên phân liên tiếp một số đợt đã tạo ra 128 tế bào con. Các tế bào con hình thành từ đợt nguyên phân cuối cùng đều giảm phân bình thường tạo tinh trùng.

- Số lần nguyên phân của tế bào sinh dục sơ khai ?
- Số NST đơn trong các tinh trùng tạo thành ?
- Số lượng, trạng thái NST trong mỗi tế bào ở các kì của giảm phân ?

-----HẾT-----

ĐÁP ÁN

I. Trắc nghiệm (3 điểm)

Mỗi câu đúng: 0.5 đ

1. C 2. B 3. A 4. B 5. A 6. D

II. Tự luận (7 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1		
	<div style="display: flex; justify-content: space-around;"> Pha sáng Pha tối </div> <div style="display: flex; justify-content: space-between; margin-top: 10px;"> <div> Nơi thực hiện Nguyên liệu Sản phẩm </div> <div style="text-align: right;"> 1 1 1 </div> </div>	
Câu 2 a	Gọi số lần nguyên phân của tế bào sinh dục đực sơ khai là k (k nguyên dương) Theo bài ra ta có: $2^k = 128 \leftrightarrow 2^7 = 128 \rightarrow k = 7$ Vậy tế bào sinh dục đực sơ khai nguyên phân 7 lần	1
b	Số NST đơn trong các tinh trùng tạo thành: $2^k \cdot 4 \cdot n = 128 \cdot 4 \cdot 23 = 11776$ (NST đơn)	1
c	<div> - Giảm phân I: + Kì đầu I: 46 NST kép + Kì giữa I: 46 NST kép + Kì sau I: 23 NST kép + Kì cuối I: 23 NST kép </div> <div> - Giảm phân II + Kì đầu II: 23 NST kép + Kì giữa II: 23 NST kép + Kì sau II: 46 NST đơn + Kì cuối II: 23 NST đơn </div>	1

I. Trắc nghiệm (7 điểm):

CHỌN MỘT ĐÁP ÁN ĐÚNG NHẤT CHO MỖI CÂU HỎI DƯỚI ĐÂY:

Câu 1: Trao đổi chất bằng hệ thống khí là hình thức hô hấp của

- A. ếch nhái B. châu chấu C. chim D. giun đất

Câu 2: Động vật đơn bào hoặc đa bào bậc thấp hô hấp

- A. bằng mang B. qua bề mặt cơ thể C. bằng phổi D. bằng hệ thống ống khí

Câu 3: Tại sao phổi của chim là cơ quan trao đổi khí hiệu quả của ĐV trên cạn ?

- A. có một đặc điểm của củ bề mặt trao đổi khí
 B. gồm nhiều phế nang nên bề mặt trao đổi khí rất nhỏ
 C. có hệ thống túi khí làm tăng hiệu quả trao đổi khí
 D. Có hệ thống ống khí nên hiệu quả cao

Câu 4. Động vật chưa có hệ tuần hoàn, các chất được trao đổi qua bề mặt cơ thể là :

- A. động vật đơn bào , thủy tức, giun dẹp B. động vật đơn bào, cá
C. côn trùng, bò sát D. côn trùng, chim

Câu 5. Thận cân bằng áp suất thẩm thấu (ASTT) bằng cách nào?

- A. Khi ASTT trong máu tăng cao thì thận tăng cường hấp thụ nước, ASTT giảm thận tăng cường thải nước.
B. Khi ASTT trong máu tăng cao thì thận tăng cường thải nước, ASTT giảm thận tăng cường hấp thụ nước.
C. Khi ASTT trong máu tăng cao thì thận tăng cường hấp thụ nước, ASTT giảm thận tăng cường hấp thụ nước.
D. Khi ASTT trong máu tăng cao thì thận tăng cường thải nước, ASTT giảm thận tăng cường thải nước.

Câu 6. Ứng động của cây trinh nữ khi va chạm là kiểu :

- A. ứng động sinh trưởng. B. quang ứng động.
C. ứng động không sinh trưởng D. điện ứng động.

Câu 7. Hướng động ở cây có liên quan tới:

- A. các nhân tố môi trường. B. sự phân giải sắc tố.
C. đóng khí khổng. D. thay đổi hàm lượng axitnucleic

Câu 8. Sự đóng mở của khí khổng thuộc dạng cảm ứng nào?

- A. Hướng hoá. B. Ứng động không sinh trưởng.
C. Hướng nước. D. Ứng động tiếp xúc

Câu 9. Hoa nghệ tây, hoa tulip nở và cụp lại do sự biến đổi của nhiệt độ là ứng động :

- A. dưới tác động của ánh sáng. B. dưới tác động của nhiệt độ.
C. dưới tác động của hoá chất. D. dưới tác động của điện năng

Câu 10. Hệ thần kinh dạng chuỗi hạch có ở những động vật:

- A. ngành ruột khoang, giun dẹp B. giun dẹp, đĩa, côn trùng
C. cá, lưỡng cư, bò sát. D. Giun dẹp, him, thú.

Câu 11. Chỉ ra theo thứ tự: tác nhân kích thích → Bộ phận tiếp nhận kích thích → Bộ phận phân tích và tổng hợp thông tin → Bộ phận thực hiện phản ứng của hiện tượng trên:

- A. Gai → Thụ quan đau ở tay → Tủy sống → Cơ tay.
B. Gai → tủy sống → Cơ tay → Thụ quan đau ở tay.
C. Gai → Cơ tay → Thụ quan đau ở tay → Tủy sống.
D. Gai → Thụ quan đau ở tay → Cơ tay → Tủy sống

Câu 12. Khi bị kích thích, điện thế nghỉ biến thành điện thế hoạt động gồm 3 giai đoạn theo thứ tự:

- A. Mất phân cực (Khử cực) → Tái phân cực → Đảo cực
B. Đảo cực → Tái phân cực → Mất phân cực (Khử cực)
C. Mất phân cực (Khử cực) → Đảo cực → Tái phân cực.
D. Đảo cực → Mất phân cực (Khử cực) → Tái phân cực.

Câu 13. Diện tiếp xúc giữa các noron, giữa các noron với cơ quan trả lời được gọi là:

- A. Diện tiếp diện. B. Điểm nối. C. Xínáp. D. Xiphông.

Câu 14. Cấu trúc không thuộc thành phần xináp là:

- A. khe xináp. B. Cúc xináp. C. Các ion Ca^{2+} . D. màng sau xináp

Câu 15. Vào mùa sinh sản, hươu đực húc nhau, con thắng trận sẽ giao phối với con cái là tập tính:

- A. sinh sản. B. bảo vệ lãnh thổ. C. di cư. D. Xã hội

Câu 16. Ngỗng con mới nở chạy theo người là kiểu học tập:

- A. in vết. B. quen nhờn. C. điều kiện hoá. D. học ngầm

Câu 17. Đặc điểm nào đúng khi nói về trao đổi khí qua bề mặt hô hấp

- A. diện tích bề mặt nhỏ B. mỏng và luôn khô ráo
C. có rất nhiều động mạch D. mỏng và luôn ẩm ướt

Câu 18. Hoạt động hệ dẫn truyền tim theo thứ tự

- A. nút xoang nhĩ phát xung điện -> Nút nhĩ thất -> Bó His -> Mạng lưới Puôckin
B. nút xoang nhĩ phát xung điện-> Bó His-> Nút nhĩ thất-> Mạng lưới Puôckin
C. nút xoang nhĩ phát xung điện-> Nút nhĩ thất -> Mạng lưới Puôckin-> Bó His
D. nút xoang nhĩ phát xung điện-> Mạng lưới Puôckin -> Nút nhĩ thất -> Bó His

Câu 19. HTH hở được cấu tạo từ những bộ phận :

- A. tim, hệ động mạch, tĩnh mạch, mao mạch, dịch tuần hoàn.
- B. tim, hệ động mạch, tĩnh mạch không có mao mạch, dịch tuần hoàn.
- A. tim, hệ động mạch, không có mao mạch, dịch tuần hoàn.
- A. tim, không có hệ tĩnh mạch, mao mạch, dịch tuần hoàn.

Câu 20. Có những bộ phận giúp điều hòa huyết áp ở cơ thể người

- I. Tủy sống II. Mạch máu III. Tim
- IV. Trung khu điều hòa tim mạch ở hành não V. Thụ thể áp lực ở mạch máu.
- A. I, II, III B. I, III, IV, V C. II, III, IV, V D. I, III, IV, V

Câu 21. Sự vận động bất môi của cây gọng vó là kết hợp của:

- A. ứng động tiếp xúc và hoá ứng động.
- B. quang ứng động và điện ứng động.
- C. nhiệt ứng động và thuỷ ứng động.
- D. ứng động tồn thường.

Câu 22. Hoa của cây bồ công anh nở ra lúc sáng và cúp lại lúc chạng vạng tối hoặc lúc ánh sáng yếu là kiểu ứng động :

- A. dưới tác động của ánh sáng.
- B. dưới tác động của nhiệt độ.
- C. dưới tác động của hoá chất.
- D. dưới tác động của điện năng

Câu 23. Vào rừng nhiệt đới, ta gặp rất nhiều dây leo quấn quanh những cây gỗ lớn để vươn lên cao, đó là kết quả của:

- A. hướng sáng.
- B. hướng tiếp xúc.
- C. hướng trọng lực âm
- D. hướng nước

Câu 24. Bò sát có hệ thần kinh dạng :

- A. chỉ có hệ thần kinh dạng lưới
- B. chưa có tổ chức thần kinh
- C. chỉ có hệ thần kinh dạng ống.
- D. chỉ có hệ thần kinh chuỗi hạch

Câu 25. Thủy tức phản ứng như thế nào khi ta dùng kim nhọn châm vào thân nó?

- A. Co những chiếc vòi lại
- B. Co toàn thân lại.
- C. Co phần thân lại.
- D. Chỉ co phần bị kim châm.

Câu 26. Quá trình truyền tin qua xináp gồm các giai đoạn theo thứ tự:

- A. Ca^{2+} vào làm bóng chứa axêtincolin gắn vào màng trước và vỡ ra giải phóng axêtincolin vào khe xi náp
→ Xung TK đến làm Ca^{2+} đi vào chùy xi náp → axêtincolin gắn vào thụ thể trên màng sau và làm xuất hiện điện thế hoạt động lan truyền đi tiếp
- B. Ca^{2+} vào làm bóng chứa axêtincolin gắn vào màng trước và vỡ ra giải phóng axêtincolin vào khe xi náp
→ axêtincolin gắn vào thụ thể trên màng sau và làm xuất hiện điện thế hoạt động lan truyền đi tiếp
→ Xung TK đến làm Ca^{2+} đi vào chùy xi náp
- C. axêtincolin gắn vào thụ thể trên màng sau và làm xuất hiện điện thế hoạt động lan truyền đi tiếp
→ Xung TK đến làm Ca^{2+} đi vào chùy xi náp → Ca^{2+} vào làm bóng chứa axêtincolin gắn vào màng trước và vỡ ra giải phóng axêtincolin vào khe xi náp
- D. Xung TK đến làm Ca^{2+} đi vào chùy xi náp → Ca^{2+} vào làm bóng chứa axêtincolin gắn vào màng trước và vỡ ra giải phóng axêtincolin vào khe xi náp → axêtincolin gắn vào thụ thể trên màng sau và làm xuất hiện điện thế hoạt động lan truyền đi tiếp

Câu 27. Dạy voi, khỉ, hổ làm xiếc ừa ứng dụng những hiểu biết về tập tính vào:

- A. săn bắn.
- B. giải trí.
- C. bảo vệ mùa màng.
- D. an ninh quốc phòng

Câu 28. Dạy chó, chim ưng săn mồi là ứng dụng những hiểu biết về tập tính vào:

- A. săn bắn.
- B. giải trí.
- C. bảo vệ mùa màng.
- D. an ninh quốc phòng

II. Tự luận

Câu 1 (1 điểm): Tại sao huyết áp giảm dần trong hệ mạch?

Câu 2 (0,5 điểm): Phân biệt đặc điểm của tập tính bẩm sinh và tập tính học được?

Câu 3 (1 điểm): Tại sao hô hấp bằng phổi ở chim lại đạt hiệu quả cao nhất với động vật trên cạn?

Câu 4 (0,5 điểm): Tại sao quá trình truyền tin qua xináp chỉ theo 1 chiều từ màng trước ra màng sau?

ĐÁP ÁN

I. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Đ/a	C	B	C	A	A	C	A	B	B	B	A	C	C	C
Câu	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
Đ/a	A	A	D	A	B	C	A	A	B	C	B	D	B	A

II. Tự luận

Câu	Nội dung	Biểu điểm						
1	Huyết áp là áp lực của máu tác dụng lên thành mạch Trong hệ mạch, huyết áp giảm dần từ động mạch đến mao mạch và tĩnh mạch là do: - Do lực ma sát của máu với thành mạch. Càng đi xa thì ma sát càng lớn nên huyết áp giảm dần. - Càng xa tim thì áp lực của máu do sự co bóp của tim càng giảm, nên lực tác dụng nên thành mạch cũng giảm.	0.25 0.25 0.25 0.25						
2	<table border="1"> <tr> <td></td><td>Tập tính bẩm sinh</td><td>Tập tính học được</td></tr> <tr> <td>Đặc điểm</td><td>-Bẩm sinh di truyền, đặc trưng cho loài do gen quy định. - Số lượng ít</td><td>-Không bền vững, dễ thay đổi. -Số lượng nhiều</td></tr> </table>		Tập tính bẩm sinh	Tập tính học được	Đặc điểm	-Bẩm sinh di truyền, đặc trưng cho loài do gen quy định. - Số lượng ít	-Không bền vững, dễ thay đổi. -Số lượng nhiều	0.5
	Tập tính bẩm sinh	Tập tính học được						
Đặc điểm	-Bẩm sinh di truyền, đặc trưng cho loài do gen quy định. - Số lượng ít	-Không bền vững, dễ thay đổi. -Số lượng nhiều						
3	Hô hấp ở chim đạt hiệu quả cao nhất vì: - Phổi của chim có đầy đủ các đặc điểm của bề mặt trao đổi khí - Phổi của chim cấu tạo bởi hệ thống ống khí nằm dọc trong phổi được bao quanh bởi hệ thống mao mạch máu dày đặc - Khi hít vào thở ra không thay đổi thể tích, chỉ có túi khí thay đổi thể tích, phổi luôn có không khí giàu Oxi - Phổi chim cũng có hiện tượng dòng chảy song song và ngược chiều trong mao mạch. Không có khí cặn → Chênh lệch Oxi luôn cao.	0.25 0.25 0.25 0.25						
4	Xung thần kinh chỉ truyền từ màng trước đến màng sau vì chỉ ở chùy xináp mới có các bóng chứa các chất trung gian hóa học, chỉ màng sau xináp mới có các thụ quan màng tiếp nhận các chất trung gian hóa học này. Vì vậy xung thần kinh chỉ đi theo một chiều từ màng trước đến màng sau mà không thể theo chiều ngược lại.	0.5						

Câu 1. Thoát hơi nước qua lá bằng con đường

- A. qua khí khổng, mô giậu
- B. qua khí khổng, cutin**
- C. qua cutin, biểu bì.
- D. qua cutin, mô giậu

Câu 2. Nguyên tố nào sau đây là thành phần của diệp lục, tham gia hoạt hóa enzim, khi thiếu nó lá có màu vàng?

- A. Nito.
- B. Magiê.**
- C. Clo.
- D. Sắt.

Câu 3. Nước được vận chuyển ở thân chủ yếu:

- A. qua mạch rây theo chiều từ trên xuống.
- B. từ mạch gỗ sang mạch rây.
- C. từ mạch rây sang mạch gỗ.
- D. qua mạch gỗ.

Câu 4: Con đường thoát hơi nước qua khí khổng có đặc điểm

- A. vận tốc lớn, được điều chỉnh bằng việc đóng, mở khí khổng.
- B. vận tốc nhỏ, được điều chỉnh bằng việc đóng, mở khí khổng.
- C. vận tốc lớn, không được điều chỉnh bằng việc đóng, mở khí khổng.
- D. vận tốc nhỏ, không được điều chỉnh.

Câu 5. Thoát hơi nước có những vai trò nào sau đây?

- (1) Tạo lực hút đầu trên.
- (2) Giúp hạ nhiệt độ của lá cây vào những ngày nắng nóng.
- (3) Khí khổng mở cho CO_2 khuếch tán vào lá cung cấp cho quá trình quang hợp.
- (4) Giải phóng O_2 giúp điều hòa không khí.

Phương án trả lời đúng là:

- A. (1), (3) và (4).
- B. (1), (2) và (3).
- C. (2), (3) và (4).
- D. (1), (2) và (4).

Câu 6. Các nguyên tố vi lượng gồm:

- A. C, H, O, N, P, K, S, Ca, Fe.
- B. C, H, O, N, P, K, S, Ca, Mg.
- C. C, H, O, N, P, K, S, Ca, Mn.
- D. Fe, Mn, B, Cl, Zn, Cu, Mo, Ni.

Câu 7. Trong quá trình quang hợp của thực vật, pha sáng cung cấp cho pha tối các sản phẩm:

- A. ATP và NADPH.
- B. CO_2 và H_2O .
- C. O_2 và H_2O .
- D. O_2 , ATP, NADPH và ánh sáng.

Câu 8. Những cây thuộc nhóm thực vật C_3

- A. lúa, khoai, sắn, đậu xanh.
- B. rau dền, kê, các loại rau, xương rồng.
- C. dứa, xương rồng, thuốc bỏng.
- D. mía, ngô, cỏ lồng vệt, cỏ gấu, rau dền.

Câu 9. Ý nào dưới đây không đúng với sự giống nhau giữa thực vật CAM và thực vật C_4 khi cố định CO_2 ?

- A. tiến trình gồm 2 giai đoạn.
- B. đều diễn ra vào ban ngày.
- C. sản phẩm quang hợp đầu tiên.
- D. chất nhận CO_2 .

Câu 10. Khi nói về quang hợp ở thực vật C_4 có bao nhiêu phát biểu đúng?

- (1) Thực vật C_4 phân bố chủ yếu ở vùng nhiệt đới và cận nhiệt đới như ngô, mía, cỏ gấu, rau dền, cỏ lồng vệt, ...
- (2) Quá trình cố định CO_2 xảy ra 2 lần.
- (3) Chất nhận CO_2 đầu tiên trong pha tối là Phosphoenolpyruvat.
- (4) Sản phẩm chất hữu cơ đầu tiên trong pha tối là hợp chất 4C (Axit ôxaloaxêtic).
- (5) Có 2 loại lục lạp là lục lạp ở tế bào mô giậu và lục lạp ở tế bào bao bó mạch thực hiện.

(6) Xảy ra giai đoạn C₄ kết hợp với chu trình Calvin.

Phương án trả lời:

A. 3.

B. 4.

C. 5.

D. 6.

Câu 11. Hô hấp sáng xảy ra với sự tham gia của 3 bào quan nào?

A. lục lạp, lizôxôm, ty thể

B. lục lạp, perôxixôm, ty thể

C. lục lạp, bộ máy gôngi, ty thể

D. lục lạp, ribôxôm, ty thể

Câu 12. Hô hấp sáng xảy ra trong điều kiện

A. CO₂ cạn kiệt, O₂ tích lũy nhiều

B. O₂ cạn kiệt, CO₂ tích lũy nhiều

C. cường độ ánh sáng cao, O₂ cạn kiệt

D. cường độ ánh sáng thấp, CO₂ tích lũy nhiều

Câu 13. Nội dung nào sau đây nói *không* đúng về mối quan hệ giữa hô hấp và môi trường ngoài?

A. nhiệt độ tăng đến nhiệt độ tối ưu thì cường độ hô hấp tăng

B. cường độ hô hấp tỉ lệ thuận với hàm lượng nước

C. cường độ hô hấp tỉ lệ nghịch với nồng độ CO₂

D. cường độ hô hấp tỉ lệ nghịch với nồng độ O₂.

Câu 14. Để so sánh tốc độ thoát hơi nước ở 2 mặt của lá người ta tiến hành làm các thao tác như sau:

(1) Dùng cặp gỗ hoặc cặp nhựa kẹp ép 2 tấm kính vào 2 miếng giấy này ở cả 2 mặt của lá tạo thành hệ thống kín

(2) Bấm giây đồng hồ để so sánh thời gian giấy chuyển màu từ xanh da trời sang hồng

(3) Dùng 2 miếng giấy lọc có tấm coban clorua đã sấy khô (màu xanh da trời) đặt đối xứng nhau qua 2 mặt của lá

(4) So sánh diện tích giấy có màu hồng ở mặt trên và mặt dưới của lá trong cùng thời gian.

Các thao tác tiến hành theo trình tự đúng là

A. (1) → (2) → (3) → (4)

B. (2) → (3) → (1) → (4)

C. (3) → (2) → (1) → (4)

D. (3) → (1) → (2) → (4)

Câu 15. Chất tách ra khỏi chu trình Calvin khởi đầu cho tổng hợp glucozo là

A. APG (axit photphoglixêric)

B. RiDP (ribulôzơ-1,5-điphôphat)

C. ALPG (andêhit photphoglixêric)

D. AM (axit malic)

Câu 16: Sản phẩm của sự phân giải kỵ khí (lên men) từ axit piruvic là:

A. rượu êtylic + CO₂ + năng lượng

B. axit lactic + CO₂ + năng lượng

C. rượu êtylic + năng lượng

D. rượu êtylic + CO₂

Câu 17. Điều nào sau đây đúng khi nói về cơ quan tiêu hóa dạng ống?

A. enzym tiêu hóa được bài tiết từ lizôxôm

B. hoạt động tiêu hóa thức ăn chỉ xảy ra theo phương thức tiêu hóa ngoại bào

C. ống tiêu hóa thông với môi trường qua một lỗ vừa nhận thức ăn, vừa thải bã

D. các tế bào bài tiết dịch tiêu hóa luôn nằm ngay trên thành của ống tiêu hóa

Câu 18. Thứ tự các bộ phận trong ống tiêu hóa của người

- A. miệng → ruột non → thực quản → dạ dày → ruột già → hậu môn
- B. miệng → thực quản → dạ dày → ruột non → ruột già → hậu môn**
- C. miệng → ruột non → dạ dày → hậu → ruột già → hậu môn
- D. miệng → dạ dày → ruột non → thực quản → ruột già → hậu môn

Câu 19. Dạ dày ở những động vật ăn thực vật nào có bốn ngăn?

- A. ngựa, thỏ, chuột, trâu, bò
- B. ngựa, thỏ, chuột
- C. ngựa, thỏ, chuột, cừu, dê
- D. trâu, bò, cừu, dê**

Câu 20. Vì sao ruột non của người được xem là nơi xảy ra quá trình tiêu hóa hóa học mạnh nhất so với các bộ phận khác của ống tiêu hóa?

- A. ruột non nhận nhiều dịch tiêu hóa của gan, tụy và tuyến ruột.
- B. ruột non xảy ra quá trình hấp thụ chất dinh dưỡng.
- C. ruột non là đoạn dài nhất của ống tiêu hóa.
- D. ruột non chứa nhiều enzym có tác dụng phân giải hầu hết các loại thức ăn.**

Câu 21. Sự thông khí trong các ống khí của côn trùng thực hiện được là nhờ:

- A. Sự vận động của cánh.
- B. sự nhu động của hệ tiêu hóa.
- C. sự di chuyển của chân.
- D. sự co giãn của phần bụng.**

Câu 22. Phát biểu nào sau đây không đúng khi nói về đặc điểm khí ở phổi của chim?

- (1) giàu oxi cả khi cơ thể hít vào và thở ra.
- (2) các túi khí phía trước phổi chứa khí nghèo oxi và giàu CO₂.
- (3) các túi khí phía sau phổi chứa khí nghèo CO₂ và giàu oxi.
- (4) giàu CO₂ cả khi cơ thể hít vào và thở ra.**

Các phát biểu không đúng là:

- A. 1.**
- B. 2.
- C. 3.
- D. 4.

Câu 23. Hệ tuần hoàn hở có ở động vật:

- A. đa số động vật thân mềm và chân khớp.**
- B. các loài cá sụn và cá xương.
- C. động vật đa bào cơ thể nhỏ và dẹp.
- D. động vật đơn bào.

Câu 24. Ở người trưởng thành, chứng huyết áp thấp biểu hiện khi:

- A. huyết áp cực đại < 80mmHg.
- B. huyết áp cực đại < 60mmHg.
- C. huyết áp cực đại < 70mmHg.**
- D. huyết áp cực đại < 90mmHg.

Câu 25. Vì sao ở người già, khi huyết áp cao dễ bị xuất huyết não?

- A. vì mạch bị xơ cứng, máu bị ứ đọng, đặc biệt các mạch ở não, khi huyết áp cao dễ làm vỡ mạch.
- B. vì mạch bị xơ cứng, tính đàn hồi kém, đặc biệt các mạch ở não, khi huyết áp cao dễ làm vỡ mạch.**
- C. vì mạch bị xơ cứng nên không co bóp được, đặc biệt các mạch ở não, khi huyết áp cao dễ làm vỡ mạch.

D. vì thành mạch dày lên, tính đàn hồi kém đặc biệt là các mạch ở não, khi huyết áp cao dễ làm vỡ mạch.

Câu 26. Cân bằng nội môi là duy trì trạng thái ổn định của môi trường.....

- A. trong tế bào.
- B. trong mô.
- C. trong cơ quan.
- D. trong cơ thể.**

Câu 27. Thứ tự nào sau đây đúng với chu kì hoạt động của tim?

- A. pha co tâm nhĩ (0,1s) → pha giãn chung (0,4s) → pha tâm thất (0,3s).
- B. pha co tâm nhĩ (0,1s) → pha co tâm thất (0,3s) → pha giãn chung (0,4s).**
- C. pha co tâm thất (0,3s) → pha co tâm nhĩ (0,1s) → pha giãn chung (0,4s).
- D. pha giãn chung (0,4s) → pha co tâm thất (0,3s) → pha co tâm nhĩ (0,1s).

Câu 28. Khi lượng nước trong cơ thể tăng lên so với bình thường, phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. áp suất thẩm thấu giảm, huyết áp tăng**
- B. áp suất thẩm thấu tăng, huyết áp tăng
- C. áp suất thẩm thấu giảm, huyết áp giảm
- D. áp suất thẩm thấu tăng, huyết áp giảm

Câu 29. Nhóm động vật có tim 4 ngăn, máu không bị pha trộn?

- A. Bò sát.
- B. Chim, thú.**
- C. Cá.
- D. Lưỡng cư.

Câu 30. Ở động vật có xương sống, sự trao đổi khí còn được hỗ trợ của các động tác và hoạt động cơ thể, có bao nhiêu phát biểu đúng?

- (1) Cá có cơ quan tạo dòng nước luôn di chuyển qua mang giúp sự trao đổi khí thực hiện dễ dàng.
- (2) Ở ếch, sự vận chuyển của không khí nhờ cử động nâng lên hạ xuống của thềm miệng.
- (3) Ở chim, hoạt động nhịp nhàng của đôi cánh khi bay làm thay đổi thể tích các túi khí giúp trao đổi khí thuận lợi.
- (4) Ở thú, có sự tham gia của cơ hoành nằm giữa khoang ngực và khoang bụng.

Các phát biểu đúng là:

- A. 1.
- B. 2.
- C. 3.
- D. 4.**